Ký bởi:UBND tỉnh Lâm Đồng
Giờ ký: 18/01/2022 13:13:06

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 17 /2022/QĐ-UBND	*Lâm Đồng, ngày 18 tháng 01 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 66/2020/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 28/2020/TT-BCT ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định, hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 01 năm 2022. Quyết định số 53/2011/QĐ-UBND ngày 26 tháng 9 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng ban hành Quy chế phối hợp quản lý nhà nước đối với các cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Đà Lạt và Bảo Lộc;

Giám đốc/Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Bộ Công Thương;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Vụ pháp chế - Bộ Công Thương;
- TT TU, TT HĐND tỉnh;
- UB MTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH đơn vị tỉnh Lâm Đồng;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Báo Lâm Đồng, Đài Phát thanh truyền hình tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- TT Công báo - Tin học;
- Lưu: VT, MT, TKCT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Trần Văn Hiệp

UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ
Quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng

(Ban hành kèm theo Quyết định số 17 /2022/QĐ-UBND ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định về nguyên tắc, phương thức, nội dung và trách nhiệm phối hợp giữa các sở, ngành thuộc tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Đà Lạt và Bảo Lộc (sau đây viết tắt là Ủy ban ban nhân dân cấp huyện); các tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc quản lý nhà nước, phát triển cụm công nghiệp (sau đây viết tắt là CCN) trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

2. Những nội dung về công tác phối hợp liên quan đến CCN không quy định trong Quy chế này, được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhà nước về CCN; chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN là doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam thực hiện đầu tư xây dựng, quản lý, khai thác hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật CCN; các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trong CCN, di dời vào CCN, có liên quan đến hoạt động của CCN trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Điều 3. Nguyên tắc và phương thức phối hợp

1. Nguyên tắc phối hợp:

a) Thiết lập mối quan hệ phối hợp chặt chẽ, trách nhiệm giữa Sở Công Thương với các sở, ngành thuộc tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện để nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước đối với CCN.

b) Thực hiện cơ chế quản lý thống nhất từ một đầu mối, tránh chồng chéo gây phiền hà cho tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển CCN.

c) Các tổ chức, cá nhân thực hiện đầu tư, triển khai dự án và hoạt động trong CCN chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật; đồng thời tuân thủ, thực hiện theo đúng Quy chế này. Sở Công Thương và các cơ quan chức năng có trách nhiệm tiếp nhận và trả lời kiến nghị, phản ánh của tổ chức, cá nhân trong CCN đúng thời gian quy định.

2. Phương thức phối hợp:

a) Việc phối hợp quản lý CCN thực hiện trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của cơ quan, đơn vị. Trong quá trình phối hợp, không làm giảm vai trò, trách nhiệm, thẩm quyền và không cản trở công việc của mỗi cơ quan, đơn vị.

b) Khi triển khai thực hiện nhiệm vụ, cơ quan chủ trì quyết định hoặc phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan để giải quyết theo các phương thức sau:

- Đối với cơ quan chủ trì: tổ chức họp để lấy ý kiến tham gia của các cơ quan, đơn vị phối hợp và ghi nhận kết quả bằng biên bản làm việc hoặc bằng kết luận, thông báo làm việc; hoặc gửi hồ sơ, tài liệu liên quan đến cơ quan, đơn vị phối hợp để lấy ý kiến bằng văn bản.

- Đối với cơ quan, đơn vị phối hợp:

+ Tham gia góp ý tại cuộc họp và chịu trách nhiệm về ý kiến góp ý của mình. Trường hợp cơ quan phối hợp không thể tham dự cuộc họp thì gửi ý kiến bằng văn bản đến cơ quan chủ trì. Nếu không có ý kiến thì cơ quan, đơn vị phối hợp phải chấp hành nội dung kết luận của cuộc họp;

+ Trả lời bằng văn bản trong thời hạn đề nghị tại văn bản của cơ quan chủ trì; chịu trách nhiệm xử lý nội dung công việc liên quan đến chức năng, nhiệm vụ được giao.

c) Thực hiện công khai, minh bạch các thủ tục liên quan đến hoạt động CCN để đơn vị đầu tư hạ tầng, các tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất trong CCN biết thực hiện.

d) Phối hợp xây dựng, vận hành, quản lý cơ sở dữ liệu về CCN theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 28/2020/TT-BCT ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Công Thương quy định, hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp (sau đây viết tắt là Thông tư số 28/2020/TT-BCT) và Nghị định số 66/2020/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp (sau đây viết tắt là Nghị định số 66/2020/NĐ-CP) và các nội dung khác có liên quan; phối hợp trong công tác thông tin, báo cáo.

đ) Các văn bản có nội dung liên quan đến việc quản lý, phát triển CCN của các sở, ngành thuộc tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện và tổ chức, cá nhân liên quan gửi về Sở Công Thương 01 (một) bản để phối hợp, theo dõi, tổng hợp phục vụ công tác quản lý, tham mưu, báo cáo.

Chương II

NỘI DUNG QUẢN LÝ CỤM CÔNG NGHIỆP VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ LIÊN QUAN

Điều 4. Xây dựng, tham mưu ban hành và tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật, cơ chế, chính sách về CCN

1. Sở Công Thương:

a) Chủ trì tham mưu xây dựng, trình cơ quan có thẩm quyền ban hành cơ chế, chính sách về quản lý, đầu tư, hoạt động, phát triển CCN; đồng thời tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn và tổ chức thực hiện theo quy định.

b) Đối với các địa bàn kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn, không có khả năng thu hút doanh nghiệp đầu tư, kinh doanh hạ tầng CCN: tham mưu đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh đơn vị làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp (sau đây gọi tắt là Nghị định số 68/2017/NĐ-CP).

c) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh về Chương trình, chính sách hỗ trợ đầu tư hạ tầng kỹ thuật CCN do ngân sách địa phương đảm bảo (ưu tiên bố trí vốn xây dựng, hoàn thiện công trình hạ tầng bảo vệ môi trường các CCN đã đi vào hoạt động).

d) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Trung tâm xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch, cơ quan, đơn vị có liên quan kêu gọi, thu hút đầu tư, kinh doanh hạ tầng CCN từ các nguồn vốn hợp pháp (từ các doanh nghiệp, tổ chức, nhà tài trợ, nguồn vốn đầu tư nước ngoài...); đồng thời tổ chức lựa chọn nhà đầu tư đăng ký tham gia xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các đơn vị có liên quan tổ chức kêu gọi, thu hút đầu tư vào địa bàn tỉnh theo quy định của Luật Đầu tư, bao gồm đầu tư phát triển CCN.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ đầu tư, phát triển hạ tầng kỹ thuật CCN.

3. Các sở, ngành, cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao: tăng cường phối hợp, chủ động nghiên cứu, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng, tổ chức thực hiện các cơ chế, chính sách có liên quan về quản lý, phát triển CCN trên địa bàn tỉnh.

Điều 5. Xây dựng, tích hợp phương án phát triển CCN vào quy hoạch tỉnh

1. Phương án phát triển CCN thực hiện theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 66/2020/NĐ-CP.

2. Xây dựng, tích hợp phương án phát triển CCN vào quy hoạch tỉnh thực hiện theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP; được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 66/2020/NĐ-CP.

3. Trình tự thực hiện:

a) Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các sở, ngành trên cơ sở đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp huyện, đơn vị liên quan xây dựng, hoàn thành phương án phát triển CCN trên địa bàn tỉnh, có văn bản báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư xử lý, tích hợp phương án phát triển CCN vào quy hoạch tỉnh, lấy ý kiến đối với quy hoạch tỉnh (trong đó có phương án phát triển CCN) theo quy định của pháp luật quy hoạch (sau khi có ý kiến của Bộ Công Thương về sự phù hợp, đáp ứng nội dung, quy định đối với phương án phát triển CCN theo quy định về quy hoạch tỉnh) để hoàn thiện, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 6. Điều chỉnh, tích hợp điều chỉnh phương án phát triển CCN

1. Cơ sở điều chỉnh phương án phát triển CCN thực hiện theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP; được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 1 Nghị định số 66/2020/NĐ-CP.

2. Nội dung báo cáo điều chỉnh phương án phát triển CCN thực hiện theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP; được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 66/2020/NĐ-CP.

3. Trình tự thực hiện:

a) Ủy ban nhân dân cấp huyện có văn bản đề xuất điều chỉnh phương án phát triển CCN trên địa bàn, gửi Sở Công Thương.

b) Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan hoàn thành báo cáo điều chỉnh phương án phát triển CCN của địa phương theo quy định; báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về điều chỉnh phương án phát triển CCN.

c) Sở Kế hoạch và Đầu tư xử lý, tích hợp điều chỉnh phương án phát triển CCN vào điều chỉnh quy hoạch tỉnh (trong đó có điều chỉnh phương án phát triển CCN) theo quy định của pháp luật quy hoạch (sau khi có ý kiến của Bộ Công Thương về sự phù hợp, đáp ứng điều kiện, quy định đối với điều chỉnh phương án phát triển CCN theo quy định về quy hoạch tỉnh) để hoàn thiện, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 7. Thành lập, mở rộng CCN

1. Nội dung, hồ sơ, trình tự lập, thẩm định, phê duyệt việc thành lập, mở rộng CCN thực hiện theo quy định tại các Điều 10, 11, 12, 13, 14 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP và khoản 8 Điều 1 Nghị định số 66/2020/NĐ-CP.

2. Trách nhiệm của cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp:

a) Cơ quan chủ trì:

- Ủy ban nhân dân cấp huyện: chủ trì, phối hợp với doanh nghiệp, hợp tác xã đăng ký đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN hoặc đơn vị được giao nhiệm vụ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN lập hồ sơ thành lập, mở rộng CCN đảm bảo các điều kiện và nội dung theo quy định tại các Điều 10, 11, 12 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP và khoản 8 Điều 1 Nghị định số 66/2020/NĐ-CP; gửi Sở Công Thương thẩm định.

- Sở Công Thương có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 3 Điều 12 và Điều 13 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP.

b) Cơ quan phối hợp:

- Sở Kế hoạch và Đầu tư: đánh giá năng lực, kinh nghiệm, tư cách pháp lý của chủ đầu tư; tổng mức đầu tư, cơ cấu, khả năng cân đối, huy động các nguồn vốn đầu tư để thực hiện dự án; kế hoạch, tiến độ thu hút đầu tư của CCN; các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư và điều kiện áp dụng (nếu có);

- Sở Tài chính: thẩm định năng lực tài chính của chủ đầu hạ tầng kỹ thuật CCN, các nội dung khác có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao;

- Sở Tài nguyên và Môi trường: đánh giá hiện trạng môi trường, công tác quản lý môi trường, khả năng tiếp nhận chất thải xung quanh khu vực dự kiến thành lập, mở rộng CCN; dự báo những nguồn thải, tác động môi trường của các ngành, nghề dự kiến thu hút đầu tư vào CCN và phương án quản lý môi trường CCN;

- Sở Xây dựng: đánh giá khả năng đấu nối hạ tầng kỹ thuật bên trong và ngoài CCN, các nội dung khác có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao;

- Sở Giao thông vận tải: đánh giá khả năng đấu nối hạ tầng giao thông bên trong và bên ngoài hàng rào CCN, các nội dung khác có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao;

- Các sở, ban, ngành có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình có trách nhiệm phối hợp thực hiện (khi có văn bản đề nghị của cơ quan chủ trì).

Điều 8. Quy hoạch chi tiết xây dựng CCN

1. Việc lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch chi tiết xây dựng CCN theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP, Điều 5 Thông tư số 28/2020/TT-BCT và quy định pháp luật có liên quan.

2. Phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng CCN: Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tổ chức lập, phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng CCN; có trách nhiệm lấy ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Xây dựng trước khi phê duyệt.

Điều 9. Lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng CCN

1. Nội dung, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP, Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

2. Trách nhiệm của cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp:

a) Cơ quan chủ trì: Sở Xây dựng có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan hướng dẫn nội dung, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN.

b) Cơ quan phối hợp: các sở, ngành, ủy ban nhân dân cấp huyện và đơn vị có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình có trách nhiệm phối hợp thực hiện.

c) Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN: lập dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN, trình Sở Xây dựng thẩm định theo quy định.

Điều 10. Lập, thẩm định, phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN

1. Cơ quan chủ trì: Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Có trách nhiệm hướng dẫn lập, tổ chức thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt hồ sơ Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư xây dựng hạ tầng CCN theo quy định.

b) Chủ trì, phối hợp kiểm tra, giám sát các tổ chức, cá nhân đầu tư hạ tầng kỹ thuật CCN thực hiện các quy định trong hồ sơ môi trường đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; kịp thời phát hiện, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường CCN.

2. Cơ quan phối hợp: các sở, ngành, ủy ban nhân dân cấp huyện và đơn vị liên quan có trách nhiệm tham gia ý kiến thẩm định hồ sơ Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án và các nội dung khác có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

3. Chủ đầu tư hạ tầng kỹ thuật CCN thực hiện đúng nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và các quy định về pháp luật bảo vệ môi trường hiện hành.

Điều 11. Thu hồi đất, cho thuê đất đầu tư CCN

1. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Hướng dẫn việc lập hồ sơ thuê đất, thuê lại đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất của nhà nước tại các CCN; tổ chức thẩm định, trình UBND tỉnh thu hồi đất, cho thuê đất đối với các tổ chức, cá nhân thuê đất đầu tư hạ tầng kỹ thuật, dự án trong CCN theo quy định của Luật Đất đai.

b) Có trách nhiệm kiểm tra, theo dõi, đôn đốc bên thuê lại đất đưa đất vào sử dụng theo đúng tiến độ quy định tại Luật Đất đai năm 2013; trong trường hợp không đưa đất vào sử dụng, chậm đưa đất vào sử dụng thực hiện theo quy định tại Quyết định số 43/2021/QĐ-UBND ngày 19/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định việc thu hồi đất đối với trường hợp không đưa đất vào sử dụng, chậm đưa đất vào sử dụng tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

b) Thanh tra, kiểm tra giải quyết đơn phản ánh, kiến nghị, khiếu nại tố cáo có liên quan đến công tác quản lý nhà nước về đất đai tại các CCN trên địa bàn tỉnh.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện hướng dẫn, hỗ trợ thực hiện công tác thu hồi đất, thuê đất, đền bù giải phóng mặt bằng theo quy định.

3. Các sở, ngành và đơn vị liên quan có trách nhiệm phối hợp theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình.

4. Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN:

a) Đăng ký nhu cầu sử dụng đất xây dựng CCN với Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có dự án đầu tư xây dựng CCN để đưa vào Kế hoạch sử dụng đất hàng năm, làm cơ sở thực hiện thu hồi đất theo quy định. Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ theo phương án bồi thường, tái định cư đã được phê duyệt.

b) Lập hồ sơ thuê đất theo quy định; chịu trách nhiệm trước pháp luật và Ủy ban nhân dân tỉnh về quản lý sử dụng đất CCN.

c) Hướng dẫn các doanh nghiệp, đơn vị thuê đất, thuê lại đất lập hồ sơ thuê đất, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định; có trách nhiệm kiểm tra, theo dõi, đôn đốc bên thuê đất, thuê lại đất đưa đất vào sử dụng theo đúng tiến độ quy định tại Luật đất đai; trong trường hợp không đưa đất vào sử dụng, chậm đưa đất vào sử dụng thực hiện theo Quyết định số 43/2021/QĐ-UBND ngày 19/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định việc thu hồi đất đối với trường hợp không đưa đất vào sử dụng, chậm đưa đất vào sử dụng tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Điều 12. Tiếp nhận và thực hiện dự án đầu tư sản xuất kinh doanh vào CCN

1. Việc tiếp nhận, triển khai dự án đầu tư trong CCN thực hiện theo quy định tại các Điều 22, 23 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP và quy định pháp luật có liên quan.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, ủy ban nhân dân cấp huyện và đơn vị liên quan tổ chức thẩm định, trình phê duyệt chấp thuận chủ trương đầu tư dự án theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Thu hút, di dời các tổ chức, cá nhân vào đầu tư sản xuất, kinh doanh trong CCN.

b) Hướng dẫn, giải quyết các thủ tục về triển khai dự án đầu tư vào CCN theo quy định và theo thẩm quyền.

c) Chỉ đạo các phòng chức năng, đơn vị và Ủy ban nhân dân cấp xã giải quyết kịp thời các thủ tục liên quan đến triển khai dự án cho nhà đầu tư.

d) Hướng dẫn nhà đầu tư thực hiện quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, an toàn lao động, an ninh trật tự, phòng chống cháy nổ... đối với dự án đầu tư theo quy định.

4. Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN:

a) Hướng dẫn các nhà đầu tư liên hệ với các cơ quan chức năng có thẩm quyền để hoàn tất các hồ sơ, thủ tục liên quan đến đầu tư dự án trong CCN theo quy định.

b) Phối hợp với các cơ quan chức năng liên quan giải quyết kịp thời các thủ tục đầu tư; đồng thời, hỗ trợ nhà đầu tư trong quá trình triển khai dự án trong CCN.

Điều 13. Quản lý, sử dụng các dịch vụ công cộng, tiện ích

1. Quản lý dịch vụ công cộng, tiện ích chung trong CCN thực hiện theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP.

2. Các tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất, kinh doanh di dời vào trong CCN: sử dụng các dịch vụ công cộng, tiện ích chung trong CCN đúng mục đích, có trách nhiệm bảo vệ các công trình công cộng, thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Quy chế này và theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh

1. Quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh trong CCN thực hiện theo quy định tại Điều 26 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP.

2. Nội dung quản lý: theo dõi, cập nhật tình hình đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN; tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh của các tổ chức, cá nhân trong CCN; thanh tra, kiểm tra việc chấp hành quy định pháp luật; đánh giá hiệu quả về đầu tư xây dựng, hoạt động, phát triển CCN; xử lý vi phạm hoặc tham mưu cấp có thẩm quyền xử lý vi phạm về đất đai, đầu tư, xây dựng, môi trường, an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, an ninh trật tự, các nội dung khác có liên quan và những vấn đề phát sinh như khiếu kiện, kiến nghị, đề xuất.

3. Các sở, ngành, ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ chức năng, nhiệm vụ chủ động thực hiện quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh trong CCN; tham mưu, đề xuất cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định.

Điều 15. Công tác thanh tra, kiểm tra

1. Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, ủy ban nhân dân cấp huyện có liên quan tổng hợp kế hoạch thanh tra, kiểm tra hàng năm đối với các tổ chức, cá nhân đầu tư hạ tầng kỹ thuật CCN và đầu tư sản xuất, kinh doanh trong CCN; báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, cơ quan được Ủy ban nhân dân tỉnh giao phê duyệt theo nguyên tắc không quá 01 (một) lần trong 01 (một) năm, trừ khi có dấu hiệu vi phạm pháp luật.

2. Các cơ quan có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra có trách nhiệm thường xuyên phối hợp với Sở Công Thương thực hiện công tác phòng ngừa, xử lý các hành vi, vi phạm pháp luật trong CCN.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Khen thưởng, xử lý vi phạm

1. Hàng năm, Sở Công Thương chủ trì xem xét đề xuất khen thưởng tổ chức, cá nhân có thành tích trong công tác quản lý, điều hành hoạt động của CCN, đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, sản xuất kinh doanh trong CCN theo quy định của pháp luật.

2. Sở Công Thương chủ trì, phối hợp các sở, ngành đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý theo quy định đối với các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, sản xuất, kinh doanh trong CCN không triển khai dự án hoặc triển khai chậm tiến độ, vi phạm các quy định pháp luật về đầu tư, xây dựng, môi trường...

3. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chủ động phối hợp, trao đổi, kịp thời cung cấp thông tin, phản ánh, đề xuất công tác khen thưởng, xử lý vi phạm trong quản lý, hoạt động của CCN.

Điều 17. Trách nhiệm thi hành

1. Sở Công Thương:

a) Là cơ quan đầu mối, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về CCN trên địa bàn tỉnh theo quy định tại các Điều 42 và 43 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung theo khoản 11 Điều 1 và khoản 2 Điều 2 Nghị định số 66/2020/NĐ-CP.

b) Tham mưu hoạt động phát triển CCN theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Thông tư số 28/2020/TT-BCT.

c) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, ủy ban nhân dân cấp huyện, cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định lựa chọn chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN.

d) Chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan xây dựng và thực hiện các chương trình hợp tác, liên kết với các tỉnh, thành phố trong cả nước về phát triển CCN phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội theo vùng, lãnh thổ; tổ chức khảo sát, học tập kinh nghiệm các mô hình phát triển CCN trong nước và quốc tế.

đ) Thực hiện chế độ báo cáo về CCN theo quy định tại điểm d khoản 3 và 4 Điều 9 Thông tư số 28/2020/TT-BCT.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tích hợp phương án phát triển CCN phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

b) Trên cơ sở đề xuất của Ủy ban nhân dân cấp huyện, chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sử dụng vốn ngân sách hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN phù hợp với cơ chế, chính sách hiện hành về phát triển CCN.

c) Chủ trì, tham mưu cấp, điều chỉnh, thu hồi chủ trương dự án đầu tư, cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật, sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp theo quy định.

d) Đề xuất, hướng dẫn, quản lý thực hiện đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN theo hình thức đối tác công tư theo quy định pháp luật về đầu tư công.

3. Sở Tài chính:

a) Cân đối ngân sách tỉnh đảm bảo thực hiện hoạt động phát triển cụm công nghiệp phù hợp quy định.

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan kiểm tra tình hình quản lý, sử dụng vốn đầu tư, quyết toán vốn đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp thuộc nguồn vốn ngân sách.

c) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giá cho thuê đất, phí dịch vụ hạ tầng đối với các CCN có hạ tầng kỹ thuật được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách.

4. Sở Xây dựng: Hướng dẫn thực hiện quy chuẩn xây dựng, trình tự lập, phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng và hoạt động cấp phép xây dựng (nếu có) trong cụm công nghiệp.

5. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về đất đai và môi trường đối với các cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

b) Tổ chức lập, thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, nhu cầu sử dụng đất để phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh theo thẩm quyền.

c) Hướng dẫn, việc lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ môi trường; đồng thời, theo dõi, đôn đốc, giám sát việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường theo đúng quy định.

d) Xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về đất đai, bảo vệ môi trường, tài nguyên nước theo quy định hiện hành.

6. Sở Giao thông Vận tải:

a) Xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển hệ thống giao thông trên địa bàn tỉnh kết nối đồng bộ đến các cụm công nghiệp và tổ chức chỉ đạo thực hiện sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Tổ chức thẩm định hoặc có ý kiến về thiết kế cơ sở đối với các dự án xây dựng đường giao thông, cầu và các kết cấu hạ tầng khác trong các cụm công nghiệp.

c) Hướng dẫn, cấp phép thi công đấu nối giao thông các tuyến đường CCN vào đường giao thông thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định; hướng dẫn thủ tục, đề nghị cấp phép thi công đấu nối giao thông các tuyến đường CCN vào các tuyến Quốc lộ do Trung ương quản lý.

7. Sở Nội vụ: hướng dẫn về thành lập, tổ chức bộ máy hoạt động của Trung tâm phát triển CCN, Ban Quản lý CCN cấp huyện, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Công Thương được giao nhiệm vụ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN (nếu có).

9. Sở Thông tin và Truyền thông:

a) Phối hợp với Sở Công Thương và Ủy ban nhân dân cấp huyện trong việc lập kế hoạch xây dựng hạ tầng viễn thông trong các cụm công nghiệp; tạo điều kiện cho các doanh nghiệp viễn thông cung cấp các dịch vụ tại các cụm công nghiệp.

b) Chỉ đạo các doanh nghiệp bưu chính, viễn thông trên địa bàn tỉnh cung cấp các dịch vụ thông tin, truyền thông đáp ứng nhu cầu hoạt động cho các nhà đầu tư trong CCN.

10. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội: chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn thực hiện, kiểm tra pháp luật về lao động; tham mưu, xây dựng cơ chế, chính sách về lao động; xây dựng kế hoạch đào tạo nghề, cung ứng lao động; hỗ trợ dạy nghề cho doanh nghiệp tại các CCN.

11. Công an tỉnh:

a) Hướng dẫn, tập huấn, kiểm tra, theo dõi việc chấp hành các quy định pháp luật về phòng cháy và chữa cháy; công tác bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp; bảo vệ môi trường. Phối hợp tổ chức diễn tập các phương án phòng cháy chữa cháy tại các CCN; huy động mọi nguồn lực hỗ trợ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ khi có sự cố xảy ra.

b) Xây dựng, triển khai phương án, kế hoạch đảm bảo an ninh, an toàn tại các CCN. Đồng thời phối hợp các ngành chức năng phòng ngừa và đề ra các biện pháp ngăn chặn hiệu quả đối với việc đình công, lãn công trái pháp luật, khiếu kiện tập trung đông người liên quan đến đền bù giải phóng mặt bằng, quản lý lưu trú, đặc biệt là quản lý lao động người nước ngoài đúng quy định pháp luật.

12. Cục Thuế tỉnh

a) Hướng dẫn ưu đãi về thuế, tiền thuê đất đối với chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng kỹ thuật CCN, dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh trong CCN theo quy định của pháp luật.

b) Thực hiện quản lý, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về thuế đối với chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN, dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh trong CCN; phối hợp cung cấp thông tin việc chấp hành nghĩa vụ thuế của chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN, dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh trong CCN, các nội dung có liên quan cho Sở Công Thương theo đúng quy định của Luật Quản lý Thuế và các văn bản quy phạm pháp luật trong trường hợp được yêu cầu bằng văn bản.

13. Cục Thống kê: Tổng hợp kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của các dự án đầu tư hoạt động trong CCN; phối hợp cung cấp thông tin tình hình hoạt động các dự án đầu tư trong CCN cho Sở Công Thương thực hiện công tác quản lý, tham mưu phát triển CCN.

14. Các sở, ban, ngành khác: thực hiện chức năng quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực đối với chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng kỹ thuật CCN, dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh trong CCN; thực hiện nguyên tắc và phương thức phối hợp theo quy định tại Điều 3 Quy chế này.

15. Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với các CCN trên địa bàn:

a) Đề nghị quy hoạch, thành lập, mở rộng CCN trên địa bàn; phối hợp với Sở Công Thương trong quá trình lập, điều chỉnh, bổ sung phương án phát triển các CCN.

b) Đầu mối tiếp nhận hồ sơ đề nghị thành lập, mở rộng CCN của chủ đầu tư hạ tầng kỹ thuật CCN; xem xét, lập tờ trình gửi Sở Công Thương tổ chức thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

c) Đầu mối tiếp nhận, giải quyết hoặc phối hợp, đề nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết các thủ tục triển khai dự án đầu tư vào trong CCN (gồm: thu hồi đất, cho thuê đất, cấp giấy phép xây dựng, chấp thuận phương án phòng cháy, chữa cháy, xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường) theo quy định, phân cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

d) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan chuyên môn trực thuộc hỗ trợ thực hiện công tác thu hồi đất, thuê đất, đền bù giải phóng mặt bằng, tái định cư, nhà ở công nhân, thủ tục triển khai đầu tư vào CCN.

đ) Đầu tư hoặc đề xuất cơ quan có thẩm quyền quyết định đầu tư hạ tầng kỹ thuật trong và ngoài CCN; phê duyệt, thực hiện kế hoạch di dời doanh nghiệp, cơ sở sản xuất và hoạt động phát triển CCN trên địa bàn.

e) Kiểm tra về quản lý sử dụng đất, bảo vệ môi trường, quá trình đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, các dự án trong CCN trên địa bàn theo đúng quy định.

g) Đầu mối tiếp nhận Quy chế quản lý các dịch vụ công cộng, tiện ích do chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN lập để theo dõi, quản lý và giải quyết các khiếu nại, tranh chấp phát sinh trong quá trình hoạt động của CCN.

h) Chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn, UBND cấp xã tổ chức thực hiện công tác quản lý nhà nước đối với CCN trên địa bàn; trong đó Phòng Kinh tế / Phòng Kinh tế và Hạ tầng là đơn vị đầu mối tham mưu giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về CCN; quy định tại khoản 3 Điều 8 Thông tư số 28/2020/TT-BCT;

i) Thanh tra, kiểm tra, đánh giá việc chấp hành pháp luật, chính sách về CCN theo thẩm quyền; định kỳ hoặc đột xuất báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Công Thương về tình hình CCN trên địa bàn.

16. Đơn vị cung cấp điện, cấp nước:

a) Công ty Điện lực Lâm Đồng: đầu tư, cung cấp đảm bảo đủ điện cho các dự án hoạt động trong CCN; hướng dẫn các thủ tục cấp điện và cung cấp điện cho chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN theo quy định.

b) Công ty cổ phần cấp nước Lâm Đồng: đầu tư, liên kết, cung cấp đảm bảo đủ nước sạch cho các dự án hoạt động trong CCN; hướng dẫn các thủ tục cấp nước và cung cấp nước cho chủ đầu tư hạ tầng kỹ thuật CCN theo quy định.

17. Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN:

a) Thực hiện quy định tại các Điều 15, 20, 21 Nghị định 68/2017/NĐ-CP; khoản 9 Điều 1 Nghị định số 66/2020/NĐ-CP và Điều 7 Thông tư số 28/2020/TT-BCT.

b) Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại điểm b khoản 3 và khoản 4 Điều 9 Thông tư số 28/2020/TT-BCT.

c) Chịu trách nhiệm thực hiện các quy định theo Quy chế này.

18. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trong CCN:

a) Thực hiện quy định tại các Điều 24, 25 Nghị định 68/2017/NĐ-CP.

b) Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại điểm a khoản 3 và khoản 4 Điều 9 Thông tư số 28/2020/TT-BCT.

c) Chịu trách nhiệm thực hiện các quy định theo Quy chế này.

Điều 18. Tổ chức thực hiện

1. Sở Công Thương chủ trì, phối hợp các sở, ngành, ủy ban nhân dân cấp huyện và tổ chức, cá nhân có liên quan phổ biến nội dung Quy chế này; hướng dẫn, triển khai thực hiện Quy chế.

2. Giám đốc các sở; thủ trưởng các cơ quan, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và các tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động quản lý, phát triển CCN có trách nhiệm thực hiện chức năng, nhiệm vụ và nội dung quy định tại Quy chế này.

3. Trường hợp các văn bản viện dẫn tại Quy chế này được sửa đổi, bổ sung thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

4. Trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc các sở, ngành, ủy ban nhân dân cấp huyện, cơ quan, đơn vị có liên quan kịp thời báo cáo, đề xuất gửi Sở Công Thương tổng hợp, tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.